

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08/02/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Tấn Lâm

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST - HNGĐ ngày 17/8/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 05/01/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm A P, sinh năm 1991 “có mặt”; địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1996 “vắng mặt”; địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị M, sinh năm 1956 “có đơn xin vắng mặt”;

2. Ông Lâm A Ph, sinh năm 1984 “có đơn xin vắng mặt”;

Cùng địa chỉ: thôn G, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước;

3. Bà Lâm A Ph1, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước “có đơn xin vắng mặt”;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Lời trình bày của chị Lâm A P tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: chị Lâm A P và anh Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào năm 2018. Trong thời gian chung sống chị P và anh T hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nhiều lần có hành vi bạo lực (đánh đập), chửi mắng chị P nên chị P đã sống ly thân anh T từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay, chị P xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị P và anh T có 01 người con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 04/3/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2020, chị P yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2020, chị P trình bày vợ chồng chị có tài sản chung là 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS mua tháng 02/2019 trị giá khoảng 20.000.000 đồng. Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe này. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung này.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2020, chị P trình bày vợ chồng chị có nợ chung số tiền 27.000.000 đồng của bà Võ Thị M, bà Lâm A Ph1 và ông Lâm A Ph. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung này.

** Bị đơn là anh Nguyễn T:* Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

1. Bà Lê Thị M trình bày: Trong năm 2020, bà M là mẹ ruột của chị P có cho vợ chồng chị P và anh T vay số tiền 20.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ ngày tháng cho vay tiền. Lần thứ nhất cho vợ chồng chị P và anh T vay số tiền 10.000.000 đồng và lần hai 10.000.000 đồng. Khi cho vợ chồng chị P và anh T vay tiền thì không có lập giấy tờ gì cả và cũng không có ai là người ngoài gia đình chứng kiến. Bà M không yêu cầu vợ chồng chị P và anh T vụ trả số tiền 20.000.000 đồng đã vay cho bà M. Ngoài ra bà M không trình bày và có yêu cầu gì khác.

2. Bà Lâm A Ph1: Trong năm 2019, bà Ph1 là chị gái ruột của chị P có cho vợ chồng chị P và anh T vay số tiền 5.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ ngày tháng cho vay tiền. Khi cho vợ chồng chị P và anh T vay tiền thì không có lập giấy tờ gì cả và cũng không có ai là người ngoài gia đình chứng kiến. Bà Ph1 không yêu cầu vợ chồng chị P và anh T trả số tiền 5.000.000 đồng cho bà Ph1. Ngoài ra bà Ph1 không trình bày và có yêu cầu gì khác.

3. Ông Lâm A Ph: Trong năm 2019, bà Ph1 là anh trai ruột của chị P có cho vợ chồng chị P và anh T vay số tiền 2.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ ngày tháng cho vay tiền. Số tiền này là anh T đi làm chung với ông Ph và đã vay tiền của cai thầu nhưng không trả được nên ông Ph đứng ra trả thay cho anh T. Khi trả nợ thay cho anh T thì không có lập giấy tờ gì cả và cũng không có ai chứng kiến. Ông Ph không yêu cầu vợ chồng chị P và anh T trả số tiền 2.000.000 đồng cho ông Ph. Ngoài ra ông Ph không trình bày và có yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị P được ly hôn anh T; về con chung: Giao con chung Nguyễn Thành L, sinh ngày 04/3/2019 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung do nguyên đơn chị Lâm A P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh T cư trú tại xã Đắc Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2] Đối với bị đơn anh Nguyễn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhưng anh T vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo

quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên của chị P là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M, bà Lâm A Ph1, ông Lâm A Ph đã được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ của người có quyền, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thực hiện quyền yêu cầu độc lập đối với khoản nợ mà vợ chồng chị P và anh T đã vay nhưng bà M, bà Ph1 và ông Ph không có yêu cầu độc lập và cũng không yêu cầu vợ chồng chị P và anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị P về chia tài sản chung và nợ chung; nếu sau này chị P khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị P không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Về hôn nhân: Chị Lâm A P và anh Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào năm 2018. Xét, đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Xét, trong thời gian chung sống chị P và anh T hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nhiều lần có hành vi bạo lực (đánh đập), chửi mắng chị P nên chị P đã sống ly thân anh T từ đầu năm 2020 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị P xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu ly hôn với anh T. Đối với bị đơn anh T, khi được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc và hòa giải về hôn nhân nhưng anh T không đến tham gia, thể hiện sự bỏ mặc không có sự tôn trọng hạnh phúc gia đình. Hơn nữa, chị P cũng đã sống ly thân anh T từ đầu năm 2020 cho đến nay và không còn ai quan tâm đến ai. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P. Cho chị ly hôn giữa chị Lâm A P và anh Nguyễn T.

[5] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị P và anh T có 01 người con chung Nguyễn Thành L, sinh ngày 04/3/2019. Tại phiên tòa chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con là quyền, nghĩa vụ của chị P và anh T đã được quy định tại điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Hiện nay, cháu Long dưới 36 tháng tuổi, giữa chị P và anh T không có thuận khác về việc giao con chung cho ai nuôi. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Long cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời hạn giao con cho chị P kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P

không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Lâm A P phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị P nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lâm A P và anh Nguyễn T.

3. Về nuôi con: Giao con chung Nguyễn Thành L, sinh ngày 04/3/2019 cho chị Lâm A P trực tiếp nuôi đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho chị P kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị P phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0019389 ngày 17/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Bình Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công